

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRUNG TÂM THÔNG TIN CÔNG NGHIỆP VÀ THƯƠNG MẠI



BÀI VIẾT

Xuất khẩu cà phê 7 tháng đầu năm 2026: Sản lượng tăng, kim ngạch giảm

Thuộc nhiệm vụ:

Truyền thông về các chính sách, giải pháp, hoạt động nhằm phát triển xuất nhập khẩu và công tác hội nhập, tận dụng cam kết quốc tế trên các bản tin và trang thông tin điện tử của Trung tâm Thông tin Công nghiệp và Thương mại

Hà Nội, tháng 7/2026

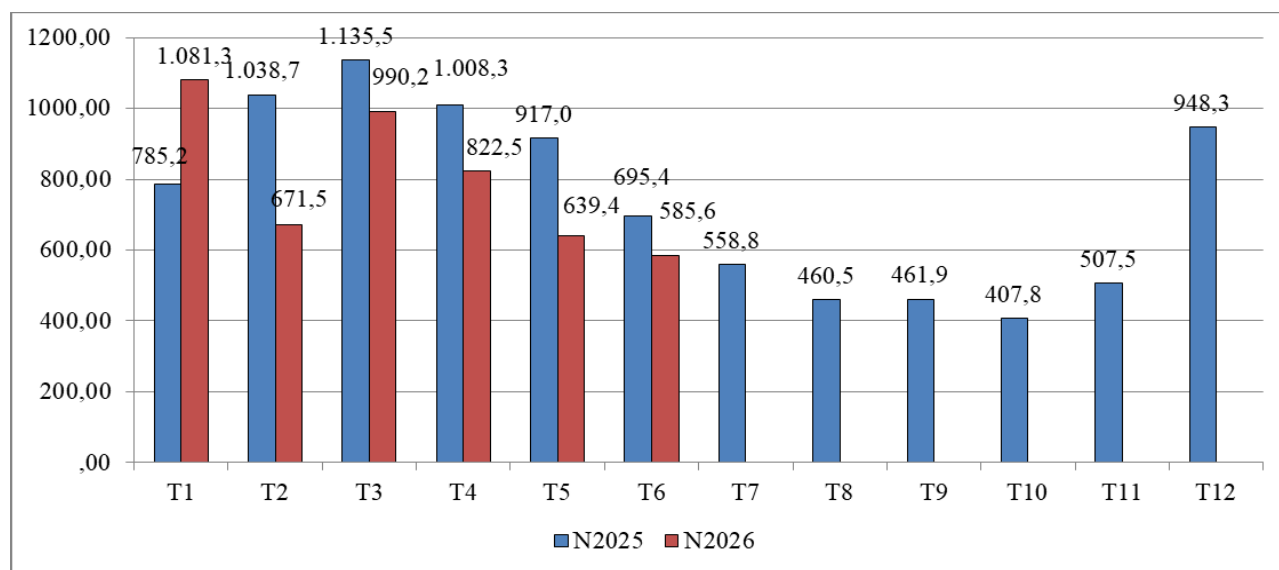
Xuất khẩu cà phê 7 tháng đầu năm 2026: Sản lượng tăng, kim ngạch giảm

Trong tháng 7/2026, lượng cà phê xuất khẩu của Việt Nam ước đạt 301 nghìn tấn, trị giá 640 triệu USD, tăng 138,2% về lượng và tăng 9,2% về trị giá so với tháng trước, nâng tổng lượng xuất khẩu mặt hàng này trong 7 tháng đầu năm 2026 lên khoảng 1,36 triệu tấn, trị giá 5,5 tỷ USD, tăng 25,2% về lượng nhưng vẫn giảm 11,1% về trị giá so với cùng kỳ năm trước.

Theo số liệu thống kê của Cục Hải quan, trong tháng 6/2026, xuất khẩu cà phê của Việt Nam đạt 126,44 nghìn tấn, trị giá 585,56 triệu USD, giảm 11,6% về lượng và giảm 8,42% về kim ngạch so với tháng trước. So với cùng kỳ năm 2025, lượng cà phê xuất khẩu tăng 4,03%, nhưng kim ngạch giảm 15,8% do giá xuất khẩu bình quân tiếp tục giảm so với mức cao của năm trước.

Biểu đồ: Xuất khẩu cà phê qua các tháng trong năm 2025-2026

(ĐVT: Triệu USD)



Nguồn: Cục Hải quan Việt Nam

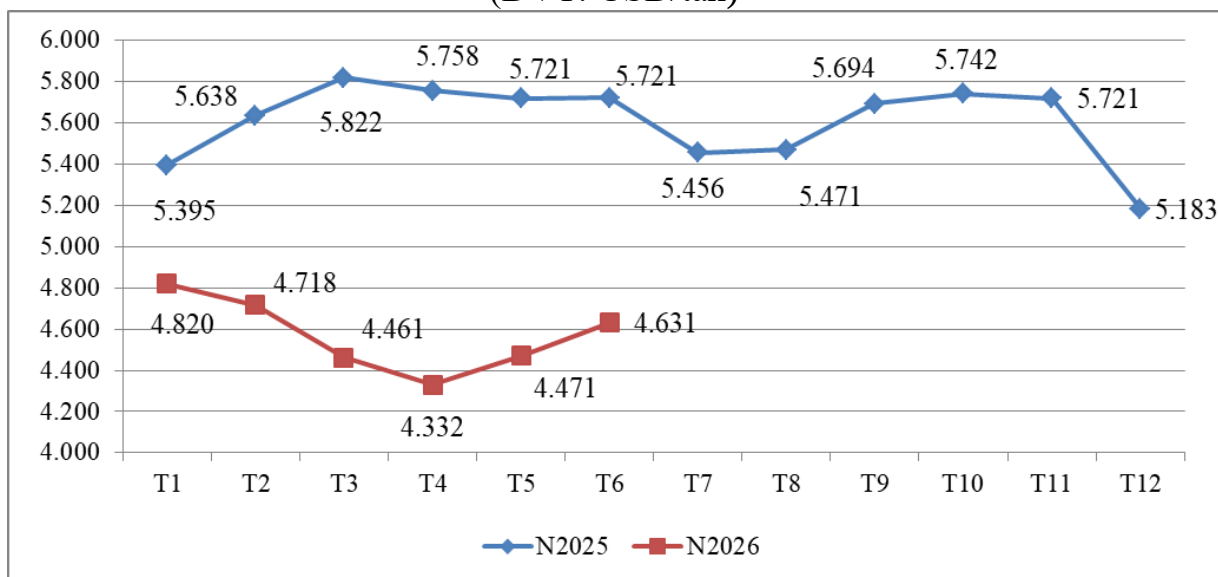
Tính chung 6 tháng đầu năm 2026, Việt Nam xuất khẩu 1,05 triệu tấn cà phê, đạt 4,81 tỷ USD, tăng 7,37% về lượng nhưng giảm 13,75% về trị giá so với cùng kỳ năm 2025, chiếm khoảng 1,8% tổng kim ngạch xuất khẩu của cả nước. Tuy nhiên, tốc độ tăng trưởng xuất khẩu của mặt hàng này vẫn thấp hơn nhiều so với mức tăng kim

ngạch xuất khẩu chung (21,04%), cho thấy sự phục hồi về sản lượng chưa đủ bù đắp tác động từ việc giá xuất khẩu giảm.

Trong 6 tháng qua, sản lượng cà phê xuất khẩu duy trì xu hướng tăng nhờ nguồn cung trong nước ổn định và nhu cầu nhập khẩu tại các thị trường lớn như EU, Mỹ và Nhật Bản vẫn ở mức khá. Tuy nhiên, kim ngạch xuất khẩu chịu ảnh hưởng bởi giá cà phê thế giới điều chỉnh sau giai đoạn tăng cao trong năm 2024-2025. Nguồn cung từ Brazil và một số quốc gia sản xuất lớn được cải thiện đã góp phần làm giảm giá cà phê trên thị trường quốc tế, kéo theo giá bình quân xuất khẩu của Việt Nam giảm so với cùng kỳ năm trước. Theo biểu đồ giá xuất khẩu bình quân cà phê cho thấy xu hướng giảm rõ rệt trong các tháng năm 2026 so với năm 2025. Trong tháng 6/2026, giá xuất khẩu cà phê bình quân ở mức 4.631 USD/tấn, giảm 19,1% so với tháng 6/2025; Tính chung 6 tháng đầu năm 2026, giá xuất khẩu cà phê bình quân ở mức 4.565 USD/tấn, giảm 19,7% so với cùng kỳ năm trước. Đây là nguyên nhân chính khiến tốc độ tăng kim ngạch không tương xứng với mức tăng về sản lượng.

Biểu: Giá xuất khẩu cà phê bình quân qua các tháng

(ĐVT: USD/tấn)



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Cục Hải quan Việt Nam

Cơ cấu thị trường xuất khẩu:

Cơ cấu thị trường xuất khẩu cà phê của Việt Nam trong 6 tháng đầu năm 2026 nhìn chung tiếp tục duy trì ổn định, tuy nhiên đã xuất hiện xu hướng dịch chuyển theo

hướng đa dạng hóa thị trường. Trong đó, Liên minh châu Âu (EU) vẫn giữ vai trò là thị trường xuất khẩu lớn nhất của cà phê Việt Nam, song tỷ trọng trong tổng kim ngạch xuất khẩu đã giảm nhẹ từ 41,2% xuống còn 40,77%. Trong khi đó, tỷ trọng xuất khẩu sang nhiều thị trường ngoài EU như Mỹ, Trung Quốc, Nga, Australia và Ấn Độ đều tăng lên, cho thấy nỗ lực mở rộng thị trường của doanh nghiệp Việt Nam. Xu hướng này góp phần giảm dần sự phụ thuộc vào các thị trường truyền thống, đồng thời tạo nền tảng để nâng cao khả năng thích ứng của ngành cà phê trước những biến động của thương mại quốc tế và các yêu cầu ngày càng khắt khe của thị trường nhập khẩu.

+ Trong 6 tháng đầu năm 2026, EU tiếp tục là thị trường tiêu thụ cà phê lớn nhất của Việt Nam với gần 456 nghìn tấn, đạt 1,96 tỷ USD, tăng 11,3% về lượng nhưng giảm 14,65% về kim ngạch so với cùng kỳ năm 2025 do giá cà phê thế giới giảm mạnh. Tính riêng EU chiếm 43,3% tổng lượng và 40,77% tổng kim ngạch xuất khẩu cà phê của Việt Nam. Mặc dù tỷ trọng giảm nhẹ, EU vẫn là thị trường có vai trò quyết định đối với xuất khẩu cà phê Việt Nam và sẽ tiếp tục ảnh hưởng lớn đến triển vọng xuất khẩu trong thời gian tới khi Quy định chống mất rừng của Liên minh châu Âu (EUDR) chính thức có hiệu lực từ cuối năm 2026 đối với doanh nghiệp lớn. Điều này đòi hỏi doanh nghiệp xuất khẩu phải tiếp tục đầu tư hoàn thiện hệ thống truy xuất nguồn gốc, số hóa vùng nguyên liệu và nâng cao tính minh bạch của chuỗi cung ứng.

Trong khối EU, Đức tiếp tục là thị trường nhập khẩu lớn nhất với kim ngạch đạt 651,56 triệu USD, chiếm 13,54% tổng kim ngạch xuất khẩu cà phê của cả nước và 33,2% kim ngạch xuất khẩu sang EU. Mặc dù lượng xuất khẩu sang Đức tăng 7,12%, kim ngạch vẫn giảm 20,89% do giá xuất khẩu bình quân giảm tới 26,15%, xuống còn khoảng 4.070 USD/tấn. Italy đứng thứ hai với 382,46 triệu USD, giảm 6,52%, song mức giảm thấp hơn nhiều so với các thị trường lớn khác nhờ lượng xuất khẩu tăng 22,92%. Riêng trong tháng 6/2026, kim ngạch xuất khẩu sang Italy tăng 5,19% so với tháng trước và tăng 23,54% so với cùng kỳ năm 2025, cho thấy nhu cầu nhập khẩu của thị trường này vẫn duy trì tích cực. Bên cạnh đó, xuất khẩu tới một số thị trường EU vẫn ghi nhận kết quả khả quan như Bỉ tăng 3,39%, Pháp tăng 4,1%. Tuy nhiên, xuất khẩu tới Hà Lan giảm 21,37%, Tây Ban Nha giảm 17,41% và Hy Lạp giảm 8,15%.

+ Nhật Bản là thị trường xuất khẩu cà phê lớn thứ hai của Việt Nam với kim ngạch 345,45 triệu USD, chiếm 7,18% tổng kim ngạch xuất khẩu, giảm 8,95% so với cùng kỳ năm trước. Tuy nhiên, lượng xuất khẩu sang thị trường này vẫn tăng 16,09%, phản ánh nhu cầu nhập khẩu ổn định trong bối cảnh giá cà phê giảm. Riêng trong tháng 6/2026, kim ngạch xuất khẩu sang Nhật Bản tăng 3,78% so với tháng trước và tăng 10,01% so với cùng kỳ năm 2025.

+ Xuất khẩu cà phê sang Mỹ đứng thứ ba với kim ngạch 324,11 triệu USD, chiếm 6,73% tổng kim ngạch xuất khẩu, giảm nhẹ 2,76% so với cùng kỳ năm trước. Đây là mức giảm thấp hơn đáng kể so với nhiều thị trường lớn khác, trong khi lượng xuất khẩu sang Mỹ vẫn tăng 22,68%. Đáng chú ý, tỷ trọng xuất khẩu tới Mỹ trong tổng kim ngạch xuất khẩu cà phê Việt Nam đã tăng từ 5,97% lên 6,73%, cho thấy vai trò của thị trường này ngày càng được củng cố. Với nhu cầu tiêu thụ cà phê ổn định và xu hướng gia tăng nhập khẩu các sản phẩm cà phê chế biến, Mỹ tiếp tục là một trong những thị trường trọng điểm của ngành cà phê Việt Nam.

+ Đáng chú ý, Trung Quốc là thị trường có tốc độ tăng trưởng nổi bật nhất trong nhóm các thị trường nhập khẩu lớn. Kim ngạch xuất khẩu tới thị trường này trong 6 tháng đầu năm đạt 226,4 triệu USD, tăng tới 76,1% so với cùng kỳ năm 2025, nâng tỷ trọng từ 2,3% lên 4,7%. Đáng chú ý, Trung Quốc là một trong số ít các thị trường có giá xuất khẩu cà phê tăng trong thời gian qua. Giá xuất khẩu bình quân cà phê sang Trung Quốc trong 6 tháng đầu năm 2026 ở mức 5.832 USD/tấn, tăng 18% so với cùng kỳ năm trước. Riêng trong tháng 6/2026, giá cà phê xuất khẩu sang Trung Quốc ở mức 6.995 USD/tấn, tăng 27,8% so với mức giá bình quân trong tháng 6/2025, góp phần đưa kim ngạch xuất khẩu lên 49,3 triệu USD, tăng 29,84% so với tháng trước và gần 100% so với cùng kỳ năm trước.

+ Bên cạnh Trung Quốc, xuất khẩu tới một số thị trường cũng ghi nhận mức tăng trưởng tích cực như: Nga đạt 272,64 triệu USD, tăng 3,18%; Australia đạt 64,98 triệu USD, tăng 61,03%; Ấn Độ đạt 57,31 triệu USD, tăng tới 349,59%; Ai Cập tăng 22,92%; Campuchia tăng 198,16%; New Zealand tăng 250,68% và Nam Phi tăng 21,05%. Mặc dù quy mô kim ngạch của nhiều thị trường còn khiêm tốn, nhưng tốc độ

tăng trưởng cao cho thấy doanh nghiệp Việt Nam đang từng bước mở rộng xuất khẩu sang các thị trường mới, góp phần đa dạng hóa thị trường tiêu thụ.

Ngược lại, nhiều thị trường truyền thống ghi nhận sự sụt giảm đáng kể. Algeria đạt 257,17 triệu USD, giảm 12,5%; Philippines giảm 16,91%; Malaysia giảm 23,75%; Indonesia giảm 23,53%; Hàn Quốc giảm 37,99%; Mexico giảm tới 43,05% và Canada giảm 48,97%. Sự suy giảm này chủ yếu do tác động của giá cà phê thế giới giảm, cùng với việc các nhà nhập khẩu điều chỉnh lượng mua sau giai đoạn tích trữ trong năm 2025.

Bảng: Xuất khẩu cà phê của Việt Nam sang các thị trường trong tháng 6 và 6 tháng đầu năm 2026

Thị trường xuất khẩu	Tháng 6/2026 (Nghìn USD)	So với tháng 5/2026 (%)	So với tháng 6/2025 (%)	6 tháng năm 2026 (Nghìn USD)	So với 6 tháng năm 2025 (%)	Tỷ trọng (%)	
						6 tháng năm 2026	6 tháng năm 2025
Tổng XK	585.557	-8,42	-15,8	4.812.537	-13,75	100,00	100,00
EU	194.318	-7,43	-17,28	1.961.868	-14,65	40,77	41,20
<i>Đức</i>	55.019	-12,17	-10,46	651.562	-20,89	13,54	14,76
<i>Italy</i>	47.312	5,19	23,54	382.458	-6,52	7,95	7,33
<i>Tây Ban Nha</i>	42.920	7,37	-23,07	333.507	-17,41	6,93	7,24
<i>Bỉ</i>	16.136	-32,75	-15,99	191.445	3,39	3,98	3,32
<i>Hà Lan</i>	9.646	-8,93	-71,75	175.822	-21,37	3,65	4,01
<i>Ba Lan</i>	10.226	-11,32	3,22	85.771	-6,13	1,78	1,64
<i>Pháp</i>	5.143	-40,12	23,46	75.323	4,1	1,57	1,30
<i>Bồ Đào Nha</i>	4.814	3,91	5,43	32.903	-18,8	0,68	0,73
<i>Đan Mạch</i>				4.626	-28,75	0,10	0,12
<i>Rumani</i>	363		-64,72	2.553	-81,54	0,05	0,25
<i>Phần Lan</i>				597	-47,28	0,01	0,02
Nhật Bản	64.678	3,78	10,01	345.449	-8,95	7,18	6,80
Mỹ	32.136	-20,6	-7,57	324.110	-2,76	6,73	5,97
Nga	29.875	-25,06	7,77	272.643	3,18	5,67	4,74
Algeria	15.502	-51,03	-55,03	257.173	-12,5	5,34	5,27
Trung Quốc	49.268	29,84	99,64	226.398	76,1	4,70	2,30
Thái Lan	30.104	53,25	-19,04	154.990	-6,94	3,22	2,98
Philippines	24.713	-34,21	-24,85	153.548	-16,91	3,19	3,31
Anh	13.231	-8,17	-28,65	122.252	-4,81	2,54	2,30
Malaysia	11.956	-13,3	-47,03	96.414	-23,75	2,00	2,27
Indonesia	13.258	-14,72	-20,88	87.889	-23,53	1,83	2,06
Mexico	10.839	54,85	-60,72	84.492	-43,05	1,76	2,66
Hàn Quốc	11.405	-11,05	-47,42	79.997	-37,99	1,66	2,31

Thị trường xuất khẩu	Tháng 6/2026 (Nghìn USD)	So với tháng 5/2026 (%)	So với tháng 6/2025 (%)	6 tháng năm 2026 (Nghìn USD)	So với 6 tháng năm 2025 (%)	Tỷ trọng (%)	
						6 tháng năm 2026	6 tháng năm 2025
Australia	7.410	-52,28	31,44	64.980	61,03	1,35	0,72
Ấn Độ	7.382	-2,41	146,06	57.313	349,59	1,19	0,23
Ai Cập	4.531	31,58	13,66	48.870	22,92	1,02	0,71
Israel	3.715	0,74	-5,51	26.920	-13,56	0,56	0,56
Hy Lạp	2.737	12,77	-50,95	25.298	-8,15	0,53	0,49
Campuchia	2.220	12,08	47,95	21.305	198,16	0,44	0,13
Canada	2.252	12,08	-29,31	19.225	-48,97	0,40	0,68
Nam Phi	1.717	-13,14	306,47	16.397	21,05	0,34	0,24
New Zealand	728	68,93	18,5	5.984	250,68	0,12	0,03
Singapore	1.192	39,13	73,78	4.986	14,12	0,10	0,08
Chile	325	-20,04	245,43	4.488	-23,79	0,09	0,11
Myanmar				898	-70,13	0,02	0,05
Lào	209	185,58	360,55	818	10,76	0,02	0,01
Ukraine				187	85,27	0,00	0,00

Nguồn: Tính toán từ số liệu thống kê của Cục Hải quan

Cơ cấu chủng loại mặt hàng cà phê của Việt Nam:

Trong 6 tháng đầu năm 2026, cơ cấu chủng loại cà phê xuất khẩu của Việt Nam vẫn phụ thuộc chủ yếu vào Robusta, song tỷ trọng của cà phê chế biến đang từng bước gia tăng và đóng góp tích cực vào tổng kim ngạch xuất khẩu.

Theo thống kê sơ bộ từ số liệu của Cục Hải quan, cà phê Robusta vẫn là chủng loại xuất khẩu chủ lực với 883,12 nghìn tấn, đạt kim ngạch 3,53 tỷ USD, tăng 7,5% về lượng nhưng giảm 18,6% về trị giá so với cùng kỳ năm 2025. Riêng trong tháng 6/2026, xuất khẩu Robusta đạt 104,3 nghìn tấn, trị giá 408,09 triệu USD, giảm 12,4% về lượng và 10,4% về trị giá so với tháng trước. Mặc dù sản lượng xuất khẩu tiếp tục tăng, kim ngạch giảm mạnh do giá Robusta trên thị trường thế giới hạ nhiệt sau giai đoạn tăng cao trong năm 2025.

Đối với cà phê Arabica, lượng xuất khẩu trong 6 tháng đầu năm 2026 đạt 59,51 nghìn tấn, trị giá 371,89 triệu USD, tăng 5,3% về lượng nhưng chỉ giảm nhẹ 0,6% về trị giá so với cùng kỳ năm trước. Trong tháng 6/2026, xuất khẩu Arabica đạt 4,2 nghìn tấn, trị giá 23,72 triệu USD, giảm trên 35% cả về lượng và trị giá so với tháng trước, đồng thời giảm lần lượt 12,5% và 30,4% so với cùng kỳ năm 2025, cho thấy

nhu cầu nhập khẩu Arabica có xu hướng chững lại, trong khi giá xuất khẩu cũng giảm so với cùng kỳ.

Xuất khẩu cà phê Excelsa vẫn chiếm tỷ trọng khá hạn chế trong cơ cấu mặt hàng. Trong 6 tháng đầu năm 2026, lượng xuất khẩu đạt 795 tấn, trị giá 3,56 triệu USD, tăng mạnh 78,9% về lượng và 40,1% về trị giá so với cùng kỳ năm trước. Tuy nhiên, do quy mô còn hạn chế nên chủng loại này chưa tạo ảnh hưởng đáng kể đến cơ cấu xuất khẩu chung.

Đáng chú ý, cà phê chế biến tiếp tục là điểm sáng của ngành với kim ngạch xuất khẩu đạt 910,79 triệu USD trong 6 tháng đầu năm, tăng 4,6% so với cùng kỳ năm 2025. Riêng tháng 6/2026, kim ngạch xuất khẩu cà phê chế biến đạt 152,93 triệu USD, tăng 4,5% so với tháng trước. Kết quả này cho thấy xu hướng chuyển dịch từ xuất khẩu cà phê nhân sang các sản phẩm chế biến có giá trị gia tăng cao đang tiếp tục được thúc đẩy, góp phần nâng cao giá trị xuất khẩu và giảm phụ thuộc vào biến động giá nguyên liệu trên thị trường thế giới.

Bảng: Chủng loại xuất khẩu cà phê của Việt Nam 6 tháng năm 2026

(ĐVT: Lượng: tấn; Trị giá: nghìn USD)

Chủng loại	Tháng 6/2026		So với tháng 5/2026 (%)		So với tháng 6/2025 (%)		6 tháng năm 2026		So với cùng kỳ năm 2025 (%)	
	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá
Robusta	104.301	408.085	-12,4	-10,4	6,6	-18,4	883.124	3.526.297	7,5	-18,6
Arabica	4.200	23.724	-35,1	-35,5	-12,5	-30,4	59.514	371.892	5,3	-0,6
Cà phê Excelsa	188	819	-21,2	-21,1	-2,6	-20,8	795	3.557	78,9	40,1
Cà phê chế biến		152.928		4,5		-4,5		910.791		4,6

Nguồn: Thống kê sơ bộ từ số liệu của Cục Hải quan

Một số quy định, chính sách tác động đến hoạt động xuất khẩu mặt hàng cà phê thời gian tới:

Tháng 7/2026, Ủy ban châu Âu (EC) đã thông qua hai biện pháp quan trọng nhằm hoàn thiện việc triển khai Quy định chống phá rừng của Liên minh châu Âu (EUDR), gồm Đạo luật ủy quyền (Delegated Act) cập nhật danh mục sản phẩm thuộc

phạm vi điều chỉnh và Đạo luật thực thi (Implementing Act) quy định về Hệ thống thông tin EUDR.

Các biện pháp này dựa trên sửa đổi luật đã được thông qua vào tháng 12/2025 và là một phần của các biện pháp đơn giản hóa được ban hành vào tháng 5 năm 2026. Theo đó, EC loại bỏ khỏi phạm vi điều chỉnh một số sản phẩm như da bò, da thuộc, lốp xe tái chế, hạt đậu tương dùng làm giống, một số sản phẩm cao su lưu hóa, băng tải, dây curoa truyền động và ghế sử dụng trên ô tô, máy bay. Ngược lại, một số mặt hàng mới được bổ sung bao gồm cà phê hòa tan (soluble/instant coffee – mã HS 2101.11) vào đối tượng phải tuân thủ EUDR kể từ ngày 30/12/2027.

Đồng thời, EC ban hành các quy định kỹ thuật về Hệ thống thông tin EUDR, chuẩn hóa việc khai báo điện tử, chia sẻ dữ liệu, truy xuất nguồn gốc và cập nhật Hướng dẫn và Bộ câu hỏi – đáp (FAQs) nhằm làm rõ trách nhiệm của từng chủ thể trong chuỗi cung ứng và đơn giản hóa thủ tục thực hiện.

Việc bổ sung cà phê hòa tan vào phạm vi điều chỉnh giúp đồng bộ hóa quản lý giữa cà phê nhân, cà phê rang xay và các sản phẩm chế biến từ cà phê, khắc phục khoảng trống pháp lý trước đây khi nguyên liệu cà phê đã thuộc EUDR nhưng một số sản phẩm chế biến chưa thuộc diện điều chỉnh.

Đối với Việt Nam, quy định mới sẽ tác động trực tiếp đến các doanh nghiệp xuất khẩu cà phê hòa tan sang EU, yêu cầu toàn bộ chuỗi cung ứng, từ vùng nguyên liệu đến khâu chế biến, phải chứng minh sản phẩm không liên quan đến phá rừng sau ngày 31/12/2020, có đầy đủ dữ liệu tọa độ vùng trồng, hồ sơ truy xuất nguồn gốc và thông tin thẩm định rủi ro. Doanh nghiệp sẽ phát sinh thêm chi phí đầu tư hệ thống quản lý dữ liệu, số hóa vùng nguyên liệu và kiểm soát chuỗi cung ứng. Tuy nhiên, về dài hạn, quy định này cũng tạo cơ hội cho các doanh nghiệp đáp ứng tốt tiêu chuẩn bền vững nâng cao khả năng cạnh tranh, gia tăng xuất khẩu các sản phẩm cà phê chế biến có giá trị gia tăng cao vào thị trường EU.

Những cập nhật này giúp doanh nghiệp có thêm thời gian và cơ sở pháp lý để hoàn thiện hệ thống truy xuất nguồn gốc, quản lý dữ liệu vùng nguyên liệu và đáp ứng yêu cầu thẩm định của thị trường EU.

Đánh giá triển vọng:

Triển vọng xuất khẩu cà phê của Việt Nam trong những tháng cuối năm 2026 được đánh giá tương đối tích cực, nhờ nhu cầu tiêu thụ tại các thị trường nhập khẩu chủ lực như EU, Mỹ, Nhật Bản và Trung Quốc tiếp tục duy trì ổn định. Trong đó, EU dự kiến vẫn là thị trường xuất khẩu quan trọng nhất của cà phê Việt Nam nhờ nhu cầu tiêu dùng ổn định và các ưu đãi thuế quan từ EVFTA. Bên cạnh đó, sự tăng tốc của các thị trường tiềm năng như Trung Quốc, Ấn Độ và Australia mở ra cơ hội mở rộng đẩy mạnh xuất khẩu, góp phần nâng cao khả năng thích ứng và giảm rủi ro phụ thuộc vào một số thị trường truyền thống trong bối cảnh thương mại quốc tế còn nhiều biến động.

Bên cạnh những thuận lợi, xuất khẩu cà phê vẫn phải đối mặt với nhiều thách thức. Trong đó, các thị trường nhập khẩu, đặc biệt là EU, tăng cường các yêu cầu về truy xuất nguồn gốc, phát triển bền vững và giảm phát thải sẽ đặt ra yêu cầu cao hơn đối với doanh nghiệp xuất khẩu.

Ngoài ra, giá cà phê thế giới tiếp tục chịu tác động từ kỳ vọng nguồn cung toàn cầu sẽ cải thiện trong niên vụ 2026-2027. Bộ Nông nghiệp Mỹ (USDA) dự báo, sản lượng cà phê toàn cầu niên vụ 2026-2027 sẽ tăng 6% (tương đương 10,8 triệu bao) lên mức kỷ lục 189,7 triệu bao, chủ yếu nhờ điều kiện thời tiết thuận lợi hơn tại Brazil. Trong đó, sản lượng cà phê arabica dự kiến tăng 12% so với niên vụ trước, trong khi sản lượng robusta giảm nhẹ 0,7%. Triển vọng nguồn cung gia tăng, đặc biệt từ Brazil, được đánh giá là yếu tố gây áp lực lên giá cà phê trong thời gian tới. Tuy nhiên, USDA cũng dự báo tiêu thụ cà phê toàn cầu sẽ đạt mức kỷ lục 179,7 triệu bao, tăng mạnh tại các thị trường tiêu thụ lớn như Mỹ và châu Âu khi các nhà rang xay đẩy mạnh bổ sung tồn kho sau nhiều năm nguồn cung eo hẹp. Mặc dù tồn kho cuối vụ toàn cầu dự kiến tăng thêm 1,9 triệu bao lên 26,3 triệu bao, mức tồn kho này vẫn thấp so với nhu cầu tiêu thụ, qua đó góp phần hạn chế đà giảm của giá cà phê.

Trong bối cảnh đó, triển vọng tăng trưởng của ngành cà phê sẽ phụ thuộc vào khả năng đẩy mạnh chế biến sâu và nâng cao giá trị gia tăng nhằm đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế, các yêu cầu về truy xuất nguồn gốc, phát triển bền vững hay Quy định chống mất rừng của EU (EUDR).